

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM HÀ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST

Ngày 08-8-2017

V/v không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM HÀ – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bùi Văn Đông
2. Bà: Chu Tuyết Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường xử án, Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “*Không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1985.

Trú tại: thôn Tân Thành, xã Tân Bình, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Trú tại: thôn Tân Thành, xã Tân Bình, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại 1, trại giam Hoàng Tiến, tổng cục VIII. Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2002, do không hiểu biết pháp luật nên anh chị không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau tình cảm của anh chị không được hạnh phúc, cũng hay cãi chửi nhau nhưng chị đã chịu đựng. Đến tháng 6/2007 anh T phạm tội hiếp dâm và bị Tòa án tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 năm tù, từ ngày đó một mình chị bươn trải để nuôi các con ăn học. Nay do anh T phải đi cải tạo thời gian quá lâu, chị không thể chờ đợi anh được và trong thời gian này chị cũng thấy xấu hổ do hành vi phạm tội của anh gây ra nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 31/8/2004 và Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 07/02/2007.

Khi ly hôn nguyện vọng của chị L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nghề buôn bán nhỏ, thu nhập bình quân một tháng khoảng 6 triệu, đủ điều kiện nuôi các con ăn, học.

Về tài sản chung: Chị L, anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị L, anh T không vay nợ ai, cũng không ai vay nợ gì của anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị L được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2002, do không hiểu biết pháp luật nên anh chị không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau tình cảm cũng không được hạnh phúc, hay cãi chửi nhau. Đến năm 2007 do anh phạm tội và bị Tòa án tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 năm tù, hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Hoàng Tiến, tổng cục VIII, bộ Công An. Nay chị L không còn tình cảm với anh và làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 31/8/2004 và Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 07/02/2007.

Khi ly hôn anh đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành, vì hiện nay anh không có điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ ai, cũng không ai vay nợ gì của anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T vắng mặt do đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến – Hải Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Các tình tiết các bên thống nhất: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất được toàn bộ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX tuyên xử: Không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn T; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao hai con chung cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Phạm Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

[1]*Về áp dụng pháp luật tố tụng:* Chị Phạm Thị L có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]*Về áp dụng pháp luật nội dung:* Nguyên đơn và bị đơn không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay. Do các quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 đối với việc giải quyết trường hợp nam nữ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn có yêu cầu ly hôn là phù hợp với nhau, vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]*Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn:*

Về tình cảm:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn: Từ năm 2002 đến nay, anh T và chị L chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, anh Nguyễn Văn T đang chấp hành hình phạt về tội “Hiếp dâm”. Như vậy, Việc

chung sống của anh T, chị L đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014; mục đích chung sống giữa hai người không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn việc thi hành một số quy định về xử lý việc kết hôn trái pháp luật. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Liên, anh T và các con chung của anh chị đều thống nhất để chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng này của anh chị và các con chung là có căn cứ quy định tại điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự không có khoản nợ nào chung nên không có cơ sở đề cập giải quyết..

[4]*Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với việc nuôi con chung sau ly hôn:* Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị L thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định tại Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[5]*Về án phí:* Chị Phạm Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ: Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L về việc ly hôn.

1. Về tình cảm: Không công nhận chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn

Thị Ngọc L1, sinh ngày 31/8/2004 và Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 07/02/2007 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) kể từ tháng 8 năm 2017.

- Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị L, đồng thời có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

(Chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 5251 ngày 23/3/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Hà).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Bình;
- Lưu hồ sơ./..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Bình

(đã ký)